TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/4/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Việt;

2. Bà Cao Thị Bích Ngọc;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2022/TLST- HNGĐ, ngày 22/12/2022 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/03/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST – DS ngày 30/03/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Huỳnh Thị L và anh Trần Văn S do mai mối khoảng vài tháng rồi tiến đến hôn nhân nên không tìm hiểu nhau, được gia đình tổ chức cưới vào năm 1998 và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Tân, huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp vào ngày 27/9/1998.

Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được khoảng hơn 10 năm vợ chồng dành dụm tiền mua được máy xới, kinh tế gia đình khá giả hơn, anh S là người giữ tiền nên anh S bắt đầu đánh bài, đá gà, nhậu….chị khuyên anh thay đổi thì vợ chồng cải nhau, mỗi lần cải nhau thì anh S xúc phạm và đuổi chị ra khỏi nhà nhưng chị cố gắn chịu đựng để nuôi các con. Hiện nay các con chị đã lớn, anh S vẫn không thay đổi, chị không còn tình cảm với anh S và cũng không thể chung sống được. Tháng 6/2022 chị và anh S cải nhau, anh S đuổi chị nên chị đã ra thuê nhà trọ sinh sống vì vậy vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian đầu sống ly thân, anh S cũng tới động viên, chị cũng muốn cho thêm cơ hội nên cho chìa khóa nhà để anh S tới lui. Nhưng thời gian tới lui anh S vẫn không thay đổi, mỗi lần nhậu say là đến nhà trọ của chị quậy phá, gom quần áo đồ đạc của chị bỏ ra ngoài đòi đốt nhà trọ. Hiện nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn S.

- Về con chung: chị L và anh S chung sống có 02 con chung tên Trần Thái T sinh năm 1999 và Trần Thị Bảo Nsinh ngày 7/02/2012. Chị L để anh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc sau khi ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi con. Trần Thái T đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến anh Trần Văn S trình bày:

Thống nhất như trình bày của chị L về thời gian kết hôn, về hôn nhân chị L xin ly hôn thì anh S cũng đồng ý.

Về con chung: anh S và chị L chung sống với nhau có 02 con chung tên Trần Thái T sinh năm 1999 và Trần Thị Bảo N sinh ngày 7/02/2012. Anh S đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc sau khi ly hôn, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Trần Thái T đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên anh S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, Bị đơn không

chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là không thực hiện theo điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Trần Văn S. Về con chung: áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Trần Thị Bảo Nsinh ngày 7/02/2012 cho anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Trần Thái T đã trưởng thành tự lao động sinh sống được các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Huỳnh Thị L yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn S là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S đang cư trú tại ấp Hòa Hiệp, xã Hòa Tân, huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh S vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị L và anh Trần Văn S chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, do anh S thường hay nhậu, đá gà không lo cho gia đình nên vợ chồng thường hay cải nhau. Chị L cũng động viên, cũng cho anh S nhiều cơ hội sửa đổi nhưng anh S cũng không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay. Do không còn tình cảm nên chị L xin ly hôn với anh S.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong thời gian chung sống, chị L và anh S xảu ra mâu thuẫn thường hay cải nhau, anh S không chăm lo cho gia đình, thường hay nhậu rồi xúc phạm chị L. Chị L cũng cho anh S nhiều cơ hội để sửa đổi những anh S vẫn không thay đổi, nay chị L xin ly hôn thì anh S cũng đồng ý cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Trần Văn S.

[3] Về con chung: chị L và anh S chung sống với nhau có 02 con chung tên Trần Thái T sinh năm 1999 và Trần Thị Bảo Nsinh ngày 7/02/2012. Chị L giao Bảo Ncho anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi con. Thái Trường đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc chị L và anh S sống ly thân thì chị L thuê nhà trọ ở và bán vé số cuộc sống không ổn định, cháu Ngọc do anh S nuôi dưỡng, cho đến nay cuộc sống của cháu đã ổn định và cháu cũng có nguyện vọng được sống với anh S, anh S cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc sau khi ly hôn; do đó nên giao cháu Ngọc cho anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, anh S cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Thái Trường đã trưởng thành tự lao động sinh sống được chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: chị L và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Nợ chung: chị L và anh S xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Huỳnh Thị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Trần Văn S.

2. Về con chung: giao cháu Trần Thị Bảo Nsinh ngày 7/02/2012 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị Huỳnh Thị L không cấp dưỡng nuôi con (cháu Ngọc đang sống với anh S).

Chị Huỳnh Thị L có quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp ngày 22/12/2022 theo biên lai số 0015444 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị L phải nộp.

6. Nguyên đơn chị Huỳnh Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Trần Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Hòa Tân, huyện Châu Thành (Số 15/1998 ngày 27/9/1998);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan